

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN TRAENCO

Địa chỉ : Số 46 Võ Thị Sáu, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội
Điện thoại : (84-4) 3 625 0950 Fax: (84-4) 3 625 0437
Website : www.traenco.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TRAENCO
(TRAENCO JOINT STOCK COMPANY)

Mục lục:

I.	LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG	3
1.	Quá trình hình thành và phát triển.....	3
2.	Nghành nghề kinh doanh:	4
3.	Định hướng phát triển	5
II.	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
1.	Kết quả hoạt động trong năm 2012	11
2.	Tình hình thực hiện so với kế hoạch	12
3.	Những thay đổi chủ yếu trong năm 2012.....	12
4.	Triển vọng và kế hoạch tương lai.....	12
III.	BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	12
1.	Báo cáo tình hình tài chính.....	12
2.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	13
IV.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	17
V.	BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH & BÁO CÁO KIÊM TOÁN.....	17
1.	Kiểm toán độc lập	17
VI.	CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN	18
1.	Tổ chức nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp tại Công ty:	18
2.	Công ty nắm giữ trên 50% Vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức:	18
3.	Tình hình đầu tư vào các Công ty liên quan: Không có.....	18
VII.	TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	18
1.	Cơ cấu tổ chức và Bộ máy quản lý của Công ty	18
2.	Ban điều hành.....	20
3.	Số lượng cán bộ, công nhân viên và chính sách đối với người lao động.....	20
VIII.	THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	21
1.	Hội đồng quản trị & Ban Kiểm soát.....	21
2.	Các dữ liệu thống kê về cổ đông tại thời điểm 31/12/2012	22

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG

1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Traenco được Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0103010774 cấp lần đầu ngày 26/01/2006 và thay đổi lần thứ 5 số đăng ký kinh doanh phù hợp với mã số thuế của công ty là 0100108617 vào ngày 15/6/2010, với số vốn điều lệ là 16,603 tỷ đồng.

Các mốc thời gian quan trọng trong quá trình phát triển của Traenco.,JSC:

26-01-2006 Công ty chuyển thành công ty cổ phần với Vốn điều lệ
16,603 tỷ đồng

* Các đơn vị trực thuộc thành lập trên cơ sở tổ chức lại nguyên trạng sau ngày cổ phần hóa

10-04-2006	Số 48/QĐ-HĐQT	Thành lập chi nhánh công ty CP Traenco – Trung tâm phát triển việc làm phía Nam
10-04-2006	Số 49/QĐ-HĐQT	Thành lập chi nhánh công ty CP Traenco tại TP Hồ Chí Minh
10-04-2006	Số 50/QĐ-HĐQT	Thành lập chi nhánh công ty CP Traenco tại Đồng Nai
10-04-2006	Số 47/QĐ-HĐQT	Thành lập chi nhánh công ty CP Traenco-XN Traenco mô tô
10-04-2006	Số 51/QĐ-HĐQT	Thành lập trường Kỹ nghệ thực hành và bồi dưỡng xuất khẩu lao động

* Các đơn vị thành lập mới sau ngày cổ phần hóa

02-10-2006	Số 88/QĐ-HĐQT	Thành lập chi nhánh công ty CP Traenco – Trung tâm xuất khẩu lao động Traenco
14-04/2008	Số 23/QĐ-HĐQT	Thành lập CN công ty CP Traenco – Chi nhánh Tây Ninh
12-06-2009	Số 39/QĐ-HĐQT	Thành lập chi nhánh công ty CP Traenco - XN Traenco 20
18-08-2009	Số 53/QĐ-HĐQT	Thành lập chi nhánh công ty CP Traenco – XN Xây dựng – Điện nước – Lắp máy

* Ngày 30-12-2009 Công ty cổ phần Traenco trở thành Thành viên của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

2. Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, kết cấu bê tông đúc sẵn;
- Tư vấn đầu tư xây dựng (Không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Thiết kế các công trình giao thông (cầu, đường bộ);
- Tư vấn thí nghiệm vật liệu và chất lượng công trình;
- Xuất khẩu lao động, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp xuất khẩu lao động;
- Đào tạo ngoại ngữ, đào tạo các loại nghề (không bao gồm những ngành nghề có điều kiện), bồi dưỡng cao trình độ kỹ năng nghề, bồi dưỡng nghiệp vụ, giáo dục định hướng cho người lao động đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài; Đào tạo trình độ cao đẳng, đại học (Chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Tư vấn du học;
- Sản xuất, lắp ráp và đóng mới xe ô tô các loại, xe gắn máy hai bánh (không bao gồm thiết kế phương tiện vận tải);
- Đào tạo lái xe (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Sửa chữa, tân trang máy móc thiết bị, phong tiện vận tải;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách;
- Sản xuất, kinh doanh phụ tùng ô tô, xe máy;
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Cho thuê máy móc thiết bị;
- Kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ, gỗ, sứ, nông lâm thủy sản (Trừ loại lâm sản nhà nước cấm);
- Kinh doanh than;
- Sản xuất và kinh doanh thuốc diệt côn trùng (Không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật);
- Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị phương tiện vận tải, thiết bị trang trí nội thất, hàng tiêu dùng (Không bao gồm kinh doanh dược phẩm);
- Bóc đất đá san lấp mặt bằng;

- Khai thác chế biến khoáng sản (Trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Hoạt động dịch vụ hàng hải gồm: đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, vệ sinh tàu biển;
- Tổ chức biểu diễn văn hóa nghệ thuật (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Khảo sát địa chất các công trình;
- Khảo sát trắc địa các công trình;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, giao thông (Kể cả các công trình điện như đường dây, trạm, thủy điện); quan trắc biển dạng công trình xây dựng, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, giao thông.
- Xây dựng các công trình điện dân dụng, điện công nghiệp, bu chính viễn thông;
- Xây dựng các công trình hạ tầng;
- Lắp đặt tủ, bảng điện, trạm hợp bộ điện đến 35KV;
- Tư vấn, môi giới, đàm phán ký kết các hợp đồng kinh tế với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để quảng cáo trên sóng truyền hình toàn quốc (Không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Mua, bán và sản xuất hóa chất (Trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Xuất khẩu than;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Tổ chức các dịch vụ hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm (theo quy định hiện hành của Nhà nước);
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Khảo sát địa chất thủy văn;

3. Định hướng phát triển

a. Nền kinh tế Việt Nam năm 2012.

- Khép lại năm 2012 với nhiều thách thức từ những khó khăn của nền kinh tế trong nước và thế giới, nhưng với sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, Việt Nam đã đạt được những kết quả khả quan trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tăng trưởng hợp lý, đảm bảo an sinh xã hội... những kết quả tích cực đó được phản ánh khá đầy đủ tại số liệu thống kê về kinh tế - xã hội năm 2012 được Tổng cục Thống kê tổ chức công bố.

- Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng tháng 12/2012 tăng 0,27% so với tháng trước, lạm phát năm 2012 được kiềm chế ở mức 6,81%.
- Đây là kết quả đáng lưu ý của kinh tế Việt Nam 2012, bởi mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô đã được thực hiện tốt. Việc kiểm soát khá tốt mức tăng của chỉ số giá tiêu dùng thể hiện tính kịp thời và hiệu quả của việc triển khai Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 26/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý, điều hành và bình ổn giá. Trong năm 2012 có tới 7 tháng CPI chỉ tăng dưới 1% và hầu hết các tháng chỉ tăng dưới 0,5%”.
- Cụ thể, theo phân tích của Tổng cục Thống kê, CPI tăng không quá cao vào 2 tháng đầu năm (Tăng 1,0% vào tháng 1 và tăng 1,37% vào tháng 2) nhưng tăng cao nhất vào tháng 9 với mức tăng 2,20%, chủ yếu do tác động của nhóm thuốc và dịch vụ y tế và nhóm giáo dục. Mức tăng chỉ số giá tiêu dùng đã chậm dần trong những tháng cuối năm.
- Về nhóm hàng, CPI bình quân của nhiều nhóm hàng năm nay có mức biến động nhiều và khác xu hướng so với năm trước. Nhóm hàng lương thực, thực phẩm tăng thấp hơn mức tăng chung (Lương thực tăng 3,26%, thực phẩm tăng 8,14%, CPI bình quân chung tăng 9,21%), trong khi năm 2011 đây là nhóm hàng có chỉ số giá tăng cao nhất và cao hơn nhiều so với mức tăng chung (Lương thực tăng 22,82%, thực phẩm tăng 29,34%, CPI bình quân chung tăng 18,58%).
- Riêng nhóm dịch vụ y tế có sự thay đổi lớn với chỉ số giá tăng mạnh ở mức 20,37%, cao hơn nhiều lần mức tăng 4,36% của năm 2011. Trong 2 năm qua, chỉ số giá nhóm giáo dục vẫn duy trì mức tăng cao (Năm 2011 tăng 23,18%; năm 2012 tăng 17,07%) và chỉ số giá nhóm bưu chính viễn thông vẫn duy trì mức giảm (Năm 2011 giảm 5,06%; năm 2012 giảm 1,11%).
- Chỉ số giá vàng tháng 12/2012 tăng 0,46% so với tháng trước; tăng 0,4% so với tháng 12/2011. Chỉ số giá USD tháng 12/2012 tăng 0,03% so với tháng trước; giảm 0,96% so với tháng 12/2011.
- Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tăng trưởng GDP năm 2012 ước tính tăng 5,03% so với năm 2011, đây là mức thấp hơn dự kiến. (5,2%)
- Cụ thể, mức tăng GDP từng quý như sau: quý I tăng 4,64%; quý II tăng 4,08%; quý III tăng 5,05%; quý IV tăng 5,44%.
- Trong 5,03% tăng trưởng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,72%, đóng góp 0,44 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4,52%, đóng góp 1,89 điểm phần trăm, khu vực dịch vụ tăng 6,42%, đóng góp 2,7% điểm phần trăm.
- Theo nhận định của Tổng cục Thống kê: Mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mức tăng 5,8% của năm 2011 nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới gặp khó khăn, cả nước tập trung

thực hiện mục tiêu ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô thì mức tăng như vậy là hợp lý và thể hiện xu hướng cải thiện qua từng quý, khẳng định tính kịp thời, đúng đắn, và hiệu quả của các biện pháp và giải pháp thực hiện của Trung ương Đảng, Quốc hội và Chính phủ.

- Năm 2012 cũng là năm xuất siêu đầu tiên Việt Nam xuất siêu hàng hóa kể từ năm 1993, với mức 284 triệu USD. Nguyên nhân chủ yếu của việc xuất siêu là do suy giảm của sản xuất và tiêu dùng trong nước nên nhập khẩu tăng thấp hơn nhiều so với xuất khẩu. Đáng chú ý là xuất siêu hàng hóa chủ yếu ở khu vực có vốn đầu tư nước ngoài với mức xuất siêu đạt gần 12 tỷ USD, tập trung ở nhóm hàng gia công lắp ráp. Ngược lại, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 11,7 tỷ USD.
- Cụ thể, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 12 ước tính đạt 10,4 tỷ USD, tăng 0,5% so với tháng trước và tăng 15% so với năm 2011. Tính chung cả năm 2012, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu đạt 114,6 tỷ USD, tăng 18,3% so với năm 2011. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 42,3 tỷ USD, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đạt 72,3 tỷ USD. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa năm 2012 đạt 114,3 tỷ USD, bao gồm: khu vực kinh tế trong nước đạt 54 tỷ USD (giảm 6,7%); khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 60,3 tỷ USD (tăng 23,5%).
- Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu năm nay tăng cao chủ yếu ở khu vực có vốn đầu tư nước ngoài với các mặt hàng như: Điện tử, máy tính và linh kiện; điện thoại các loại và linh kiện, hàng dệt may, giày dép... Các mặt hàng trên đều thuộc nhóm hàng có tỷ trọng giá công cao, điều này phản ánh hiệu quả xuất khẩu và lượng ngoại tệ thực thu thấp. Mức tăng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đóng góp 17,7 điểm phần trăm vào mức tăng chung, trong khi đó khu vực kinh tế trong nước chỉ đóng góp 0,6 điểm phần trăm.
- Trong năm 2012, nhiều sản phẩm thuộc nhóm hàng công nghiệp có kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh như: Điện thoại và linh kiện 12,6 tỷ USD, tăng 97,7%; điện tử máy tính đạt 7,9 tỷ USD, tăng 69,1%; máy móc, thiết bị phụ tùng 5,5 tỷ USD, tăng 26,9%. Nhiều nhóm hàng nông sản tăng khá về lượng xuất khẩu: Sắn và sản phẩm sắn tăng 55,2%; cà phê tăng 37,9%; cao su tăng 23,8%; hạt điều tăng 25,6%; gạo tăng 13,1%; chè tăng 10,4%. Đây là lần đầu tiên xuất khẩu gạo đạt trên 8 triệu tấn, tương đương 3,7 tỷ USD.
- Cơ cấu kim ngạch hàng hóa xuất khẩu năm nay có sự thay đổi so với năm trước: Tỷ trọng nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản ước tính đạt 51,7 tỷ USD, tăng 49,9% và chiếm 45,1% (Năm 2011 là 35,6%), chủ yếu do tăng kim ngạch của điện thoại và linh kiện, tăng 6,2 tỷ USD (tăng 97,7%). Nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiêu thụ công nghiệp đạt 39 tỷ USD, tương đương năm 2011 nhưng tỷ trọng giảm từ 40,3% năm 2011 xuống 34,1% năm 2012. Nhóm hàng nông, lâm sản đạt 17,7 tỷ USD, tăng 18% so với năm trước nhưng tỷ trọng không đổi với 15,4%. Nhóm hàng thuỷ sản đạt 6,2 tỷ USD, xấp xỉ năm 2011 và tỷ trọng giảm từ 6,3% năm 2011 xuống 5,4% năm 2012.

- Về thị trường hàng hóa xuất khẩu của nước ta năm 2012, EU vươn lên là thị trường tiêu thụ hàng hóa lớn nhất với kim ngạch đạt 20,3 tỷ USD, tăng 22,5% so với năm 2011 và chiếm 17,7% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu.
- Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 12 ước tính đạt 10,6 tỷ USD, tăng 6,5% so với tháng trước và tăng 13% so với năm 2011. Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu năm 2012 đạt 114,3 tỷ USD, tăng 7,1% so với năm trước, bao gồm: Khu vực kinh tế trong nước đạt 54 tỷ USD, giảm 6,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 60,3 tỷ USD, tăng 23,5%. Mức tăng kim ngạch nhập khẩu năm nay đạt thấp nhất kể từ năm 2002 trở lại đây (Không tính đến năm 2009). Nếu loại trừ yếu tố giá, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu năm 2012 tăng 7,4% so với năm 2011.
- Cơ cấu kim ngạch hàng hóa nhập khẩu năm nay cũng có sự thay đổi so với năm 2011, nhóm tư liệu sản xuất ước tính đạt 106,5 tỷ USD, chiếm tỷ trọng cao nhất với 93,2%, tăng so với mức 90,6% của năm 2011, chủ yếu do tỷ trọng nhóm hàng máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng có liên quan đến lắp ráp hàng xuất khẩu tăng từ 29% lên 36,9%. Nhóm hàng nguyên liệu, vật liệu chiếm 56,3%, giảm so với mức 61,6% của năm trước; nhóm hàng tiêu dùng đạt 7,8 tỷ USD, chiếm 6,8%, giảm so với mức 7,6% của năm 2011.
- Về thị trường hàng hóa nhập khẩu năm nay, Trung Quốc tiếp tục là thị trường lớn nhất của nước ta với kim ngạch đạt 28,9 tỷ USD, tăng 17,6% so với năm 2011 và chiếm 25,3% tổng kim ngạch hàng hóa nhập khẩu; tiếp đến là ASEAN đạt 21 tỷ USD, tăng 0,3% và chiếm 18,3%; Hàn Quốc đạt 15,6 tỷ USD, tăng 18,4% và chiếm 13,6%; Nhật Bản đạt 11,7 tỷ USD, tăng 12,2% và chiếm 10,2%; EU đạt 8,8 tỷ USD, tăng 13,3% và chiếm 7,7%; Hoa Kỳ đạt 4,7 tỷ USD, tăng 4,7% và chiếm 4,1%.
- Kim ngạch dịch vụ xuất khẩu năm 2012 ước tính đạt 9,4 tỷ USD, tăng 6,3% so với năm 2011, trong đó dịch vụ du lịch đạt 6,6 tỷ USD, tăng 18%; dịch vụ vận tải 2,1 tỷ USD, giảm 15,5%. Kim ngạch dịch vụ nhập khẩu năm 2012 ước tính đạt 12,5 tỷ USD, tăng 5,7% so với năm 2011, trong đó dịch vụ vận tải đạt 8,7 tỷ USD, tăng 6%; dịch vụ du lịch 1,9 tỷ USD, tăng 8,5%. Nhập siêu dịch vụ năm 2012 là 3,1 tỷ USD, tăng 3,8% so với năm 2011 và bằng 32,8% kim ngạch dịch vụ xuất khẩu năm 2012.
- Một số chỉ tiêu khác
- Bên cạnh đó, bức tranh kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2012 còn được phản ánh qua các số liệu thống kê như: Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2012 tăng 3,4% so với năm 2011, bao gồm: Nông nghiệp tăng 2,8%, lâm nghiệp tăng 6,4%, thủy sản tăng 4,5%. Tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2012 ước đạt 48,5 triệu tấn, tăng 2,6% so với cùng kỳ. Diện tích rừng lâm nghiệp tập trung cả năm đạt 187 nghìn ha, bằng 88,2% năm 2011. Tổng diện tích rừng bị triệt hại năm 2012 là 3.225 ha, giảm 18%. Sản lượng thủy sản năm 2012 cũng tăng 5,2% và diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2012 tăng 0,7%.

- Về sản xuất công nghiệp, chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 12 tăng 5% so với tháng trước và tăng 5,9% so với cùng kỳ. Tập trung ở các ngành công nghiệp khai khoáng tăng 3,5%, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,5%... Một số ngành công nghiệp từng là thế mạnh của Việt Nam đang có mức tăng thấp hoặc giảm so với năm 2011 là may mặc tăng 2,3%, sản xuất gang thép tăng 2,2%, sản xuất giày dép giảm 0,9%, sản xuất xi măng giảm 6%, sản xuất mô tô xe máy giảm 14,6%.
- Chỉ số hàng tồn kho tại thời điểm ngày 01/12 của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 20,1% so với cùng kỳ, trong đó những ngành có chỉ số tồn kho tăng cao như: Sản xuất xe có động cơ tăng 76,6%, sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ tăng 42,1%, chế biến và bảo quản thủy sản tăng 28,6%... Việc tăng lượng hàng tồn kho trong năm 2012 đã được dự báo trước, nhưng những con số nói trên cho thấy tình hình sản xuất của các doanh nghiệp vẫn chưa được cải thiện và sẽ có chiều hướng xấu hơn vào năm 2013.
- Nguyên nhân của vấn đề hàng tồn kho một phần do giá cả thị trường liên tiếp tăng trong năm 2012, (chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2012 tăng 9,21% so với năm 2011), mặt khác kinh tế khó khăn và việc thắt chặt chi tiêu đã làm giảm nhu cầu mua sắm của người dân.
- Vận tải hàng hóa cả năm 2012 tuy có tăng 9,5% về vận chuyển nhưng lại giảm 8,7% về luân chuyển so với năm trước. Vận tải hàng hóa nước ngoài tiếp tục giảm 12,4% về vận chuyển và giảm 14,8% về luân chuyển; trong đó các lĩnh vực giảm mạnh là vận tải đường biển giảm 14%, vận tải đường sông giảm 5,7%. Riêng vận tải hành khách năm 2012 tăng 12,2% về vận chuyển và tăng 9,5% về luân chuyển. Trong đó, vận tải hành khách đường sắt và đường bộ tăng 2% - 13%, hàng không, đường sông giảm từ 0,2% - 3,4%.

b. Định hướng phát triển nền kinh tế năm 2013

- Năm 2013 là năm bản lề của kế hoạch 5 năm trong khi nhiều chỉ tiêu sau 2 năm thực hiện vẫn còn thấp so với mức đề ra cho cả nhiệm kỳ. Mục tiêu tổng quát là tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô; kiềm chế lạm phát ở mức thấp, tăng trưởng kinh tế cao hơn năm 2012.
- Các chỉ tiêu chủ yếu được đề ra là tổng sản phẩm trong nước tăng khoảng 5,5%. Kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 10%. Tỷ lệ nhập siêu khoảng 8%. Bội chi ngân sách Nhà nước không quá 4,8% GDP. Tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) khoảng 7 – 8%. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 30% GDP. Bảo đảm an toàn nợ công. Cố gắng bảo đảm các chỉ tiêu về việc làm, giảm tỷ lệ hộ nghèo, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội và bảo vệ môi trường.
- Diễn biến kinh tế Việt Nam năm 2013 là một trong những năm không dễ dự báo nếu chỉ căn cứ vào những diễn biến tình hình thực tế của năm 2012 và các yếu tố tác động khác sẽ diễn ra trong thời gian sắp tới.
- Đã có nhiều ý kiến dự báo kinh tế vĩ mô năm 2013. Song theo dự báo thì mức tăng trưởng còn tiếp tục gặp khó khăn, nhiều khả năng mức tăng trưởng kinh tế chỉ đạt ở mức 4 – 5%.

- Nếu phân tích và đánh giá một cách toàn cục thì những khó khăn kinh tế hiện nay về cơ bản là do sự tích tụ những mâu thuẫn kéo dài từ nhiều năm, vì thế mà việc tìm kiếm các giải pháp để cùng đồng thời thoả mãn cả mục tiêu trước mắt lẫn lâu dài thật sự không đơn giản. Cần phải có một cách nhìn đại cục, dài hạn để giải quyết vấn đề.
- Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn còn ẩn chứa những nguồn lực lớn. Nếu Nhà nước có chính sách khai thác tốt, các mục tiêu về tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô sẽ có nhiều khả năng sáng sủa hơn. Đó là lượng kiều hối từ nước ngoài chuyển về cho nhân dân trong nước ước tính khoảng trên 10 tỷ USD vẫn được dự báo tiếp tục chuyển về ngay cả trong lúc kinh tế thế giới còn gặp nhiều khó khăn.
- Mặt khác, theo một số ước tính có cơ sở khoa học thì lượng vàng trong dân còn khá lớn. Theo tính toán bước đầu, lượng vàng nhập khẩu ròng của Việt Nam trong 20 năm (tính từ năm 1990 đến năm 2011) vào khoảng 500 tấn, tương đương 28 tỷ USD theo thời giá hiện nay.
- Ngoài ra còn lượng vàng được tích luỹ dưới nhiều hình thức như vàng nữ trang, vàng miếng ... từ nhiều đời nay trong mọi tầng lớp nhân dân, chắc chắn tổng giá trị tính bằng USD của khối dự trữ vàng trong dân hiện nay không dưới 40 tỷ USD.
- Thực sự là trong bối cảnh nguồn vốn khan hiếm hiện nay của đất nước, nếu chính sách đổi mới với vàng đúng đắn thì nguồn lực này có thể ví như một phao cứu sinh đối với thời điểm hiện nay. Tiềm năng tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô của năm 2013 có rất nhiều khả năng bị phụ thuộc đáng kể vào cách thức triển khai trên thực tế việc thực hiện “đổi mới mô hình tăng trưởng và tái cơ cấu nền kinh tế”. Xét về bản chất, đây chính là nhiệm vụ mang tính dài hạn và năm 2013 Nhà nước cần có lộ trình triển khai từng bước sao cho hợp lý và khoa học hơn.
- Dự báo việc xử lý nợ xấu ngân hàng trong năm 2013 sẽ nhanh chóng có được giải pháp hiệu quả. Công ty mua bán nợ cần có sự tham gia của các chuyên gia kinh tế, không nên khép kín trong hệ thống tài chính tiền tệ. Nợ xấu của các tổ chức tín dụng hiện nay đã ở mức cao nhất trong nhiều năm trở lại đây (khoảng 8,6%). Tuy nhiên, quá trình tái cơ cấu và xử lý nợ xấu sẽ phải lường đón những phản ứng phụ phát sinh, ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế và tăng trưởng tín dụng năm 2013.
- Đi đôi với đó là việc tái cấu trúc các tập đoàn, doanh nghiệp Nhà nước để các doanh nghiệp sản xuất có được sức cạnh tranh, có công nghệ tiên tiến, có lao động lành nghề - đây chính là giải pháp dài hạn mà Nhà nước đang đặc biệt quan tâm từ nay sang năm 2013.
- Việc mua bán, sáp nhập, tái cơ cấu toàn bộ hệ thống ngân hàng nhằm minh bạch và lành mạnh hoá hệ thống cũng là chủ đề được rất nhiều chuyên gia kinh tế quan tâm và dự báo sẽ được triển khai mạnh mẽ trong năm 2013.
- Đối với thị trường bất động sản thì dự báo vẫn tiếp tục trầm lắng và chưa tìm được hướng đi rõ ràng trong năm 2013. Vì vậy, trong năm 2013 và những năm tiếp theo để giúp thị trường

bất động sản phát triển cần phối hợp đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó ngành Ngân hàng cần tập trung vào một số nội dung: Giải quyết bài toán kỳ hạn của luồng vốn đầu tư cho bất động sản.

- Nhu cầu về nhà ở cho 89 triệu người dân Việt Nam là rất lớn, tuy nhiên cầu có khả năng thanh toán theo mặt bằng giá bất động sản hiện nay là hạn chế, vì vậy cần có sự hỗ trợ từ các nguồn tài chính khác cho người dân.
- Nhu cầu vốn cho các nhà đầu tư và người mua nhà trên thị trường thường có thời hạn dài, trong khi đó, các ngân hàng lại thiếu các nguồn vốn dài hạn để đáp ứng cho các nhu cầu này, do đó cần có những công cụ tài chính để chuyển các khoản vốn tài trợ ngắn hạn thành vốn trung, dài hạn. Các công cụ mà các nước thường áp dụng là thành lập các Quỹ tiết kiệm về nhà ở và hình thành Cơ quan tái chế chấp nhận quốc gia.
- Đối với thị trường chứng khoán thì trong năm 2013 vẫn tiếp tục trầm lắng và gặp nhiều khó khăn, chưa có hướng đi rõ ràng vì hầu hết các doanh nghiệp đang gặp rất nhiều khó khăn. Có thể nói đây chính là mảng tối nhất trong kinh tế vĩ mô Việt Nam năm 2013.
- Có thể nói cho dù gặp rất nhiều khó khăn và khối lượng công việc phải làm trong năm 2013 đang còn rất lớn. Nhưng nhìn chung về trung, dài hạn thì cơ hội tiến hành tái cấu trúc nền kinh tế đang ở thời điểm chín muồi. Có những cơ sở để hy vọng và tin tưởng rằng năm 2013 sẽ là năm tuy còn gặp rất nhiều khó khăn về mọi mặt, song cũng là năm cả nước vượt khó đi lên, mở ra thời kỳ tăng trưởng mới trong một mô hình tăng trưởng kinh tế mới.

c. *Định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Traenco*

- Xác định năm 2013 là năm bắn lề, Công ty tiếp tục phải vượt qua nhiều thử thách, việc giữ vững ổn định để vượt qua khó khăn cũng như chuẩn bị các cơ sở cần thiết để mở rộng thị trường và địa bàn kinh doanh cho các năm tiếp theo là phương hướng chủ đạo của Công ty;
- Hoạt động kinh doanh của Công ty tập trung và chú trọng đến “ ổn định và bảo toàn vốn”;
- Xác định xây dựng và nâng cao hoạt động “quản trị rủi ro” trong hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Tập trung thực hiện xử lý triệt để các khoản nợ “quá hạn hoặc khó đòi”;
- Đảm bảo hoạt động ổn định và phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch đề ra của Đại hội đồng cổ đông;
- Duy trì, tăng cường và phát triển các mối quan hệ với khách hàng;
- Bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên viên.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2012

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012
1	Doanh thu thuần	88.470.366.140	95.280.035.147
2	Lợi nhuận trước thuế	(536.343.291)	17.492.679
3	Lợi nhuận sau thuế	(536.343.291)	17.492.679
4	Vốn điều lệ	16.603.400.000	16.603.400.000
5	Nguồn vốn chủ sở hữu	17.508.895.211	17.441.524.246
6	Tổng tài sản	243.380.766.861	231.602.288.000
7	Nợ ngắn hạn	225.501.855.394	213.824.747.498
8	Nợ dài hạn	370.016.256	336.016.256

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2012)

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2012	% Thực hiện kế hoạch
1	Tổng doanh thu	125.000	96.581	77,26
2	Tổng chi phí	124.875	96.564	77,32
3	Lợi nhuận trước thuế	1,25	0,017	1,36

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2012)

- Do những biến động khó lường của tình hình tài chính trong nước như đã nêu ở phần I.3, công ty cổ phần Traenco cũng như đa số các Công ty cùng ngành không thể đạt được kế hoạch đã đưa ra từ đầu năm.

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm 2012:

4. Triển vọng và kế hoạch tương lai:

- Khai thác tốt nguồn vốn với mục đích cung cấp các sản phẩm hàng hóa dịch vụ hữu ích cho các khách hàng;
- Tổ chức đào tạo nội bộ nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên, đáp ứng nhu cầu của công việc sản xuất kinh doanh.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính

1.1 Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2011	31/12/2012
Chỉ tiêu về cơ cấu Tài sản - Nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	5,59	4,75
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	94,41	95,25

Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	92,81	92,47
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	7,19	7,53
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,607	0,627
Khả năng thanh toán hiện hành (Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	Lần	1,078	1,081
Tỷ suất lợi nhuận			
Lợi nhuận từ HĐSXKD/ Doanh thu thuần	%		
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	-0,015	0,017
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	-0,22	0,01
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	-3,06	0,10

1.2 Giá trị sổ sách thời điểm ngày 31/12/2011 và ngày 31/12/2012

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012
1	Vốn chủ sở hữu	17.508.895.211	17.441.524.246
2	Vốn điều lệ	16.603.400.000	16.603.400.000
3	Mệnh giá 1 cổ phần	10.000	10.000
4	Số lượng cổ phần đang lưu hành	1.660.340	1.660.340
5	Giá trị sổ sách/cổ phần	10.054	10.054

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012)

1.3 Cổ tức năm 2012

- Trong năm 2012 tình hình hoạt động của Công ty gặp rất nhiều khó khăn do thiếu vốn trầm trọng, giá cả có nhiều biến động, khủng hoảng kinh tế nên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011 chỉ lãi rất thấp là 17 triệu đồng do đó tạm thời không chia cổ tức.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện		% thực hiện kế hoạch năm 2012	
			2011	2012	So với thực hiện 2011	So với kế hoạch 2012
I	Giá trị tổng sản lượng	145.000	73.594	72.195	98,10	49,79
	Trong đó:					

1	Hoạt động sản xuất xây lắp	75.000	16.164	9.003	55,70	12,00
2	Kinh doanh XKLĐ và đào tạo XKLĐ	60.000	50.453	51.590	102,25	85,98
3	Kinh doanh vật tư hàng hoá	6.000	5.634	9.929	167,23	165,48
4	Hoạt động khác	4.000	1.280	1.673	130,70	41,83
II	Giá trị tổng doanh thu	125.000	88.470	95.280	107,70	76,22
III	Lãi trước thuế	1.250	-536	17	-3,17	1,36
IV	Cổ tức	2%	0%	0,10%		
V	Nộp ngân sách nhà nước	6.000	3.532	3.890	110,14	64,83
VI	Thu nhập bình quân tháng	4,5	3,5	5,0	142,86	111,11

- Theo Bảng tổng hợp thì hầu hết các chỉ tiêu đều không đạt được so với kế hoạch đã đề ra.

Đánh giá cụ thể từng chỉ tiêu:

- Về hoạt động xây lắp: Chỉ tiêu kế hoạch tổng sản lượng đề ra là không cao nhưng kết quả đạt được rất thấp (12%) so với thực hiện năm 2011 cũng chỉ đạt (55,70%), điều đó cho thấy trong năm 2012 công tác xây lắp triển khai rất chậm, công việc chỉ là thi công hoàn thiện nốt một ít khối lượng còn lại, không đấu thầu được công trình mới, nguồn vốn đầu tư hạn chế và quản trị doanh nghiệp chưa tốt.
- Về hoạt động XKLĐ: Trong bối cảnh có nhiều khó khăn chung, hoạt động kinh doanh XKLĐ tuy chưa hoàn thành được so với kế hoạch đề ra (85,98%) nhưng vượt năm 2011 (102,25%), có thể nói năm 2012 hoạt động XKLĐ rất khó khăn nhưng công ty vẫn đứng vững và trong top đầu trong các doanh nghiệp XKLĐ của Việt Nam, đây là thành quả của những quyết sách đúng đắn của HĐQT, Ban Giám đốc Công ty và quyết tâm của toàn thể CBCNV trong khôi XKLĐ.
- So với thực hiện năm 2011 tổng doanh thu đạt được vượt mức (107,70%) nhưng cũng không đạt kế hoạch đề ra (76,22%) do công tác nghiệm thu, thanh quyết toán các công trình, dự án đã được chú trọng và thực hiện tốt hơn nhưng chủ yếu là khối lượng dở dang từ năm trước chuyển sang còn nhiều vướng mắc phải tháo gỡ.
- Các chỉ tiêu quan trọng về tổng sản lượng và doanh thu đều không đạt, trong năm công ty không có công trình mới, nợ quá hạn Ngân hàng chưa có nguồn vốn tháo gỡ, công ty không có tài sản thế chấp để vay vốn nên phải huy động vốn cá nhân theo thỏa thuận phải chịu lãi suất cao nên hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty chưa mang lại hiệu quả mong muốn.
- Với việc sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn nên không có hiệu quả, không trả được cổ tức cổ đông cho các cổ đông trong năm trước và cả năm nay.

- Mặc dù sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn như vậy nhưng Công ty vẫn cố gắng thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước so với năm trước vượt (110,14%) và so với kế hoạch đề ra có sự giảm sút.
- Thu nhập của người lao động tăng hơn so năm trước chủ yếu là tiền lương trong khối XKLĐ tăng.
- Năm 2012, kết quả thực hiện kế hoạch SXKD có các mặt làm được và chưa được cụ thể như sau :

a. Những mặt đã làm được:

- *Đối với lĩnh vực xây lắp:*
- Tổ chức điều hành thi công tốt các công trình như QL3 mới gói thầu PK2, công trình QL21 Nam Định - Lạc Quần.
- Hoàn thiện hồ sơ hoàn công, hồ sơ quyết toán các công trình đã thi công hoàn thành từ những năm trước như: Công trình Tin Đồn – Cao Tân, Quốc lộ 4B Lạng Sơn, QL 32 Nhổn - Sơn Tây; và đã hoàn thành được phần lớn hồ sơ hoàn công làm cơ sở quyết toán công trình công trình đường cao tốc Láng - Hoà Lạc.
- Hoàn thiện duyệt tổng mức dự toán điều chỉnh gói thầu số 9 – công trình đường 5 kéo dài.
- Tổ chức bán thanh lý một số máy móc thiết bị cũ, hư hỏng, kém hiệu quả để thu hồi vốn.
- Đối với lĩnh vực xuất khẩu lao động: Trong giai đoạn hoạt động xuất khẩu lao động phải đổi mới với muôn vàn khó khăn, thách thức trong nước và nước ngoài nhưng với sự cố gắng nỗ lực vượt khó của lãnh đạo Công ty và nhất là các đơn vị trực tiếp hoạt động về xuất khẩu lao động đã vượt qua khó khăn giữ ổn định và phát triển. Trong năm 2012 Công ty CP Traenco vẫn đứng trong Top 1 toàn quốc về hoạt động XKLĐ.
- Đối với lĩnh vực kinh doanh vật tư hàng hóa và hoạt động kinh doanh khác: Mặc dù đang gặp rất nhiều khó khăn về nhiều mặt, hoạt động kinh doanh vật tư hàng hóa vẫn cố gắng, nỗ lực vượt qua và đạt được là khá quan trọng so với cùng kỳ năm trước (đạt 167,23%) và vượt so với kế hoạch đề ra (165,48%).

b. Những mặt chưa làm được:

- Bên cạnh những kết quả đã đạt được, những mặt đã làm được, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2012 còn những tồn tại, những mặt chưa làm được, cụ thể:
- Quản trị nguồn nhân sự còn yếu. Có thể nói con người là một yếu tố có tính quyết định tới sự thành công của Công ty vì vậy cần phải điều chỉnh kịp thời và phải có định hướng mang tính lâu dài.
- Sự kiểm tra, giám sát và phối hợp hoạt động trong tổ chức hiệu quả không cao do cơ cấu chưa hợp lý.

- Chưa xây có phương án tài chính phù hợp, chưa tháo gỡ khó khăn về tài chính, công tác thu vốn rất chậm một phần các chủ đầu tư chưa bố trí được nguồn vốn, một phần lớn là do công tác hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán các công trình xây lắp rất chậm. Công tác quản lý tài chính ở các đơn vị thành viên vẫn còn nhiều hạn chế.
- Do tập trung triển khai, xử lý các công việc cụ thể mang tính vụ việc nên chưa thực hiện được yêu cầu về xây dựng kế hoạch hàng tháng, hàng quý và bám sát vào kế hoạch đó để điều hành; đồng thời cũng chưa đưa ra được một báo cáo đánh giá toàn diện và chuyên sâu về một lĩnh vực cụ thể, nhất định giúp HĐQT có đủ thông tin về bức tranh tổng thể về lĩnh vực và đưa ra các biện pháp thiết thực để cải thiện tình hình.
- Trong lĩnh vực XKLĐ vẫn còn những tồn tại như: Đăng ký Hợp đồng, cam kết lương cho người lao động.
- Công tác quản lý, sử dụng máy móc thiết bị không mang lại hiệu quả.
- Trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật, tay nghề của đội ngũ CBCNV và người lao động vẫn chưa đáp ứng được một số yêu cầu trong SXKD.

c. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Công ty luôn coi trọng chất lượng dịch vụ, tinh thần phục vụ khách hàng chu đáo, nhiệt tình, tiếp tục phát huy thế mạnh về con người và công nghệ, nhận định khó khăn, đón đầu những cơ hội, mở rộng thị trường trong và ngoài nước, thiết lập các mối quan hệ bền chặt với các cổ đông của Công ty.

Một số chỉ tiêu kinh doanh chính của năm 2013.

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện SXKD năm 2012	Kế hoạch SXKD năm 2013	Ghi chú
I	Giá trị tổng sản lượng	72.128	153.500	
	<i>Trong đó:</i>			
1	Hoạt động sản xuất xây lắp	9.003	90.000	
2	Kinh doanh XKLĐ	51.590	52.000	
	- Hoạt động XKLĐ	38.968	41.000	
	- Hoạt động đào tạo XKLĐ	12.622	11.000	
3	Kinh doanh vật tư hàng hóa	9.929	10.000	
4	Hoạt động kinh doanh khác	1.673	1.500	
II	Giá trị tổng doanh thu	95.280	158.500	
	<i>Trong đó:</i>			

1	Hoạt động sản xuất lắp ráp	32.088	95.000	
2	Kinh doanh XKLD	51.590	52.000	
3	Kinh doanh vật tư hàng hóa	9.929	10.000	
4	Hoạt động kinh doanh khác	1.673	1.500	
III	Lãi trước thuế	17	1.500	
IV	Cỗ tức	0%	2%	
V	Nộp ngân sách nhà nước	3.890	10.000	
VI	Thu nhập bình quân tháng	5	5	
VI	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/nguồn vốn chủ sở hữu	0,105%	4,43%	

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Báo cáo đính kèm)

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH & BÁO CÁO KIỂM TOÁN

I. Kiểm toán độc lập

- o Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty Kiểm toán Tư vấn Thủ Đô
- o Ý kiến của kiểm toán độc lập:

Trích báo cáo kiểm toán năm 2012

Ý kiến của Kiểm toán viên

"Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu thì Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Traenco cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã:

- Phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2012, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- Phù hợp với chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.".

- o Các nhận xét đặc biệt khác: Không có.

2. Kiểm toán nội bộ: công ty không có kiểm toán nội bộ

VI. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

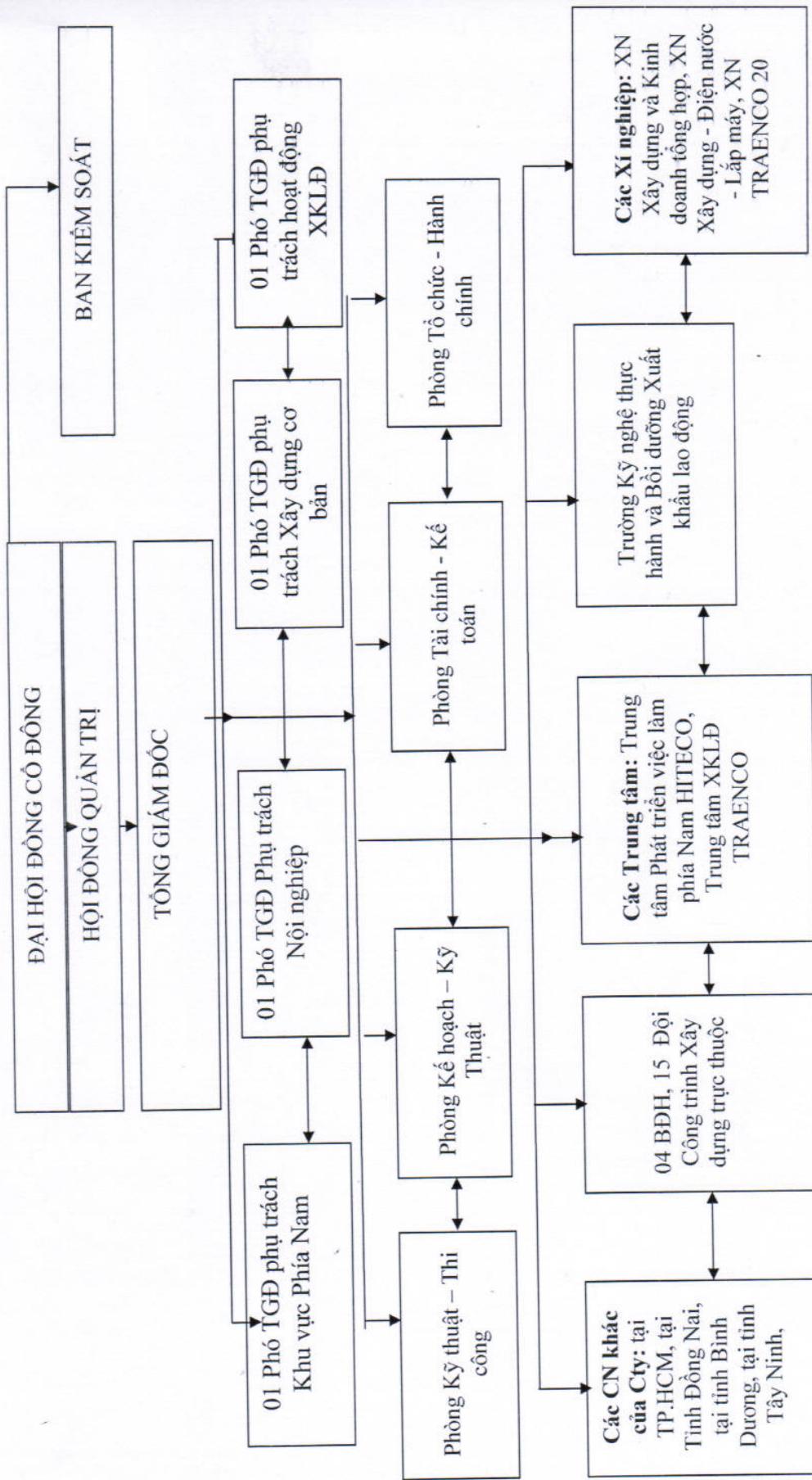
1. Tổ chức nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp tại Công ty: Có
2. Công ty nắm giữ trên 50% Vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức: Không có
3. Tình hình đầu tư vào các Công ty liên quan: Có

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức và Bộ máy quản lý của Công ty

Trong năm 2012, công ty cổ phần Traenco đã xắp xếp bộ máy hoạt động tương đối ổn định, giảm thiểu chi phí.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN TRAENCO



BẢO CÀO THỦ TƯNG NIÊN NĂM 2012 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TRAENCO
(TRAENCO JOINT STOCK COMPANY)

2. Ban điều hành

STT	Ban điều hành	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Hữu Điểm	Tổng Giám Đốc
2	Bà Nguyễn Tuyền Nga	Phó tổng giám đốc
3	Ông Phạm Ngọc Đức	Phó tổng giám đốc
4	Ông Ngô Văn Long	Phó tổng giám đốc
5	Ông Nguyễn Văn Phan	Phó tổng giám đốc
6	Ông Phạm Văn Loan	Phó tổng giám đốc
7	Ông Nguyễn Võ Hải	Phó tổng giám đốc
8	Bà Phạm Thị Kim Dung	Kế toán trưởng
9	Ông Phạm Xuân Lực	Trưởng phòng Kỹ thuật thi công
10	Ông Tống Thành Chung	Trưởng phòng Kế hoạch đầu tư
11	Ông Đặng Tử Hoàng	Trưởng phòng Tổ chức hành chính

Trong các phó tổng giám đốc trên có 02 đồng chí Phó tổng giám đốc trực tiếp kiêm nhiệm chức danh giám đốc các chi nhánh:

+ Ông Ngô Văn Long – Phó tổng giám đốc kiêm giám đốc CN công ty CP Traenco – Trung tâm phát triển việc làm phía Nam.

+ Ông: Nguyễn Võ Hải - Phó tổng giám đốc kiêm giám đốc CN công ty CP Traenco – Trung tâm xuất khẩu lao động Traenco

3. Số lượng cán bộ, công nhân viên và chính sách đối với người lao động

Tính đến ngày 31/12/2012, tổng số lao động của công ty là 237 người, với cơ cấu lao động như sau:

Trình độ lao động	Số lượng tại 31/12/2012
Trên Đại Học	04
Đại Học	113
Cao Đẳng, Trung học	24
Lao động phổ thông	96
Tổng số lao động	237

Công ty đặc biệt chú trọng tới yếu tố con người, đặt người lao động vào vị trí trung tâm trong quá trình phát triển, xây dựng doanh nghiệp. Ngoài những quyền lợi được quy định trong Bộ Luật Lao động, người lao động trong Công ty còn được hưởng nhiều đãi ngộ dưới các hình thức như:

tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi nghỉ mát mỗi năm 1 lần vào mùa hè, trợ cấp khi thai sản, ốm đau, trợ cấp khó khăn ...

Trong công tác đào tạo, Công ty đã chú trọng đến công tác tự đào tạo, đào tạo tại chỗ và đã dành được sự quan tâm thiết thực của cán bộ công nhân viên trong Công ty, khuyến khích được các cán bộ trẻ nâng cao nghiệp vụ, trình độ chuyên môn, tạo điều kiện phát huy sáng tạo ra các giá trị mới.

Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh Công ty.

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị & Ban Kiểm soát

➤ Thành phần của Hội đồng quản trị & Ban Kiểm soát tại thời điểm 31/12/2012

Thành viên HĐQT

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Nguyễn Hữu Điểm	Chủ tịch HĐQT	
2	Ngô Văn Long	Thành viên HĐQT	
3	Nguyễn Tuyết Nga	Thành viên HĐQT	
4	Phạm Thị Kim Dung	Thành viên HĐQT	
5	Đặng Tử Hoàng	Thành viên HĐQT	

Thành viên Ban Kiểm soát

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Vũ Văn Tiễn	Trưởng Ban Kiểm soát	
2	Ngô Thị Quyên	Thành viên Ban Kiểm soát	
3	Nguyễn Thị Xuân Hương	Thành viên Ban Kiểm soát	

➤ Hoạt động của Hội đồng quản trị 2012

Hội đồng quản trị tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường để thông báo, thảo luận về tình hình hoạt động của Công ty nhằm đưa ra những quyết định kịp thời nhất định hướng cho Ban giám đốc. Các quyết định cụ thể sau:

- Định hướng hoạt động và kế hoạch phát triển kinh doanh năm 2012;
- Quyết định cơ cấu tổ chức và cơ chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Giải pháp cắt giảm chi phí hoạt động kinh doanh năm 2012;

➤ Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2012

Ban Kiểm soát thực hiện các nhiệm vụ được giao, bao gồm:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Ngoài ra, Ban Kiểm soát còn thực hiện các nhiệm vụ đã được quy định trong Điều lệ của Công ty.

➤ **Thù lao của thành viên HĐQT & Ban Kiểm soát**

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2012:

- Thù lao chi trả cho Chủ tịch Hội đồng quản: 3.000.000 đồng/tháng
- Thù lao chi trả cho các thành viên HĐQT độc lập: 1.000.000 đồng/người/tháng;
- Thù lao cho Trưởng Ban Kiểm soát: 1.000.000 đồng/tháng;
- Thù lao thành viên Ban Biên soát: 500.000đồng/người/tháng.

➤ **Tỷ lệ sở hữu cổ phần cổ phần của Thành viên HĐQT**

STT	Họ và tên	Số CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng CP nắm giữ tại 31/12/2012	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Hữu Điểm	119007884	30/03/2009	Hà Nội	142.192	8,56
2	Ngô Văn Long	011180351	19/06/2006	Hà Nội	32.200	1,94
3	Nguyễn Tuyết Nga	012379899	18/09/2000	Hà Nội	12.120	0,73
4	Phạm Thị Kim Dung	013030603	19/01/2008	Hà nội	2.900	0,17
5	Đặng Tử Hoàng	140687534	31/07/2008	Hưng Yên	2.300	0,14

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông tại thời điểm 31/12/2012

a. *Thông tin chung về cơ cấu cổ đông*

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	1	1.171.638	70,57
2	Tổ chức	0	0	0
	Trong nước	0	0	0
	Nước ngoài	0	0	0
3	Cá nhân	197	448.702	29,43
	Trong nước	197	488.702	29,43
	Nước ngoài	0	0	0
Tổng cộng		198	1.660.340	100

b. Thông tin về cổ đông lớn nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 31/12/2012:

STT	Cổ đông	Số CMND	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước SCIC		1.171.638	70.57
2	Nguyễn Hữu Điềm	119007884	142.192	8,56

c. Thông tin về cổ đông nước ngoài: Không có



NGUYỄN HỮU ĐIỀM